

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 619/2023/DS-ST
Ngày: 29-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Thị Huệ;
- Ông Huỳnh Vĩnh Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 469/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 532/2023/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 427/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: 266-268 N, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 76/18B H, Phường 11, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị P, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: 345 Quốc lộ 22, ấp A, xã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị Phương T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: 711/16/2 Quốc lộ 1A, khu phố 1, phường X, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 08/8/2022 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị P trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S – chi nhánh Củ Chi có quan hệ tín dụng với bà Bùi Thị Phương T như sau:

Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1631200387 ngày 28/11/2016; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số: 01/LD1631200387 ngày 12/12/2016:

Số tiền vay: 810.000.000 đồng

Thời hạn vay: 84 tháng

Thời điểm trả hết nợ: 28/11/2023

Biện pháp bảo đảm: Thẻ chấp xe ô tô theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 729276/2016/TOYOTA ngày 28/11/2016, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 01-729276/2016/TOYOTA ngày 12/12/2016; số khung: RL4ZR69G9G4031977, số máy: 2KDU909752, biển số: 51F-445.54; hồ sơ pháp lý tài sản thế chấp: Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 217696 Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/11/2016 do bà Bùi Thị Phương T đứng tên sở hữu.

Hợp đồng tín dụng số LD1915100253 ngày 31/5/2019:

Số tiền vay: 200.000.000 đồng

Thời hạn vay: 60 tháng

Thời điểm trả hết nợ: 31/5/2024

Biện pháp bảo đảm: Cho vay không tài sản bảo đảm.

Thẻ tín dụng số 970403-4614 ngày 18/3/2016:

Loại thẻ: Family Local Credit-NOTISSUE

Hạn mức: 50.000.000 đồng

Dư nợ thẻ: 76.906.980 đồng.

Thẻ tín dụng số 472075-0375 ngày 18/3/2016:

Loại thẻ: VS payWave Cre Gold

Hạn mức: 50.000.000 đồng

Dư nợ thẻ: 12.653.852 đồng.

Trong quá trình vay, từ ngày giải ngân đầu tiên và kích hoạt thẻ đến nay, khách hàng Bùi Thị Phương T chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc, lãi của tiền vay và thẻ tín dụng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng khách hàng vẫn không có thiện chí trả nợ. Do khách hàng Bùi Thị Phương T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 30/11/2019 nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay và số dư thẻ tín dụng còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay, Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi buộc bà Bùi Thị Phương T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2023 là 876.010.368 đồng trong đó (hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1631200387 ngày 28/11/2016 nợ gốc 472.495.000 đồng, lãi 161.079.876 đồng, tổng nợ gốc và lãi 633.574.876 đồng; hợp đồng tín dụng số LD1915100253 ngày 31/5/2019 nợ gốc 114.516.880 đồng, lãi 38.357.780 đồng, tổng nợ gốc và lãi 152.874.660 đồng; thẻ tín dụng Family Local Credit-NOTISSUE số thẻ 970403-4614 ngày 18/3/2016 nợ gốc 46.582.098 đồng, lãi 30.324.882 đồng, tổng nợ gốc và lãi 76.906.980 đồng; thẻ tín dụng VS payWave Cre Gold số thẻ 472075-0375 ngày 18/3/2016 nợ gốc 7.664.588 đồng, lãi 4.989.264 đồng, tổng nợ gốc và lãi 12.653.852 đồng).

Tiền lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay và nợ thẻ tín dụng theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng.

Trường hợp bà Bùi Thị Phương T không trả được nợ thì phát mại tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Buộc bà Bùi Thị Phương T phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, phí thi hành án, chi phí phát sinh liên quan.

Trường hợp sau khi Cơ quan có thẩm quyền tổ chức phát mại, bán tài sản bảo đảm mà không đủ bù đắp số tiền vốn gốc nợ vay và thẻ tín dụng, tiền lãi vay và lãi thẻ tín dụng, lãi phạt có liên quan, chi phí Tòa án, chi phí phát mại tài sản thì bà Bùi Thị Phương T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

Bị đơn bà Bùi Thị Phương T vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi:

Quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không làm ảnh hưởng đến giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện nộp ngày 08/8/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S đề nghị Tòa án buộc bà Bùi Thị Phương T thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1631200387 ngày 28/11/2016, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD1631200387 ngày 12/12/2016, hợp đồng tín dụng số LD1915100253 ngày 31/5/2019, thẻ tín dụng Family Local Credit-NOTISSUE số thẻ 970403-4614 ngày 18/3/2016, thẻ tín dụng VS payWave Cre Gold số thẻ 472075-0375 ngày 18/3/2016. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S có chi nhánh tại số 345 Quốc lộ 22, ấp A, xã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, tranh chấp

phát sinh từ hoạt động của chi nhánh nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Củ Chi nơi có chi nhánh giải quyết. Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm b Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi không thể tổng đạt được Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nên phải niêm yết các văn bản tố tụng nêu trên, kết quả niêm yết của Văn phòng Thừa phát lại huyện Hóc Môn tại địa chỉ số 711/16/2 Quốc lộ 1A, khu phố 1, phường X, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng bà T hiện không còn cư trú tại đây, cư trú ở đâu không rõ. Hội đồng xét xử xét tại đơn khởi kiện nộp ngày 08/8/2022, nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thể hiện tại hợp đồng, như vậy nguyên đơn được coi là đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 5 và Điểm a Khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Xét Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu bà Bùi Thị Phương T thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1631200387 ngày 28/11/2016, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD1631200387 ngày 12/12/2016, hợp đồng tín dụng số LD1915100253 ngày 31/5/2019, thẻ tín dụng Family Local Credit-NOTISSUE số thẻ 970403-4614 ngày 18/3/2016, thẻ tín dụng VS payWave Cre Gold số thẻ 472075-0375 ngày 18/3/2016 đã ký giữa hai bên, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 29/9/2023 là 876.010.368đ (tám trăm bảy mươi sáu triệu không trăm mười nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng). Hội đồng xét xử xét trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1631200387 ngày 28/11/2016, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD1631200387 ngày 12/12/2016, hợp đồng tín dụng số LD1915100253 ngày 31/5/2019, thẻ tín dụng Family Local Credit-NOTISSUE số thẻ 970403-4614 ngày 18/3/2016, thẻ tín dụng VS payWave Cre Gold số thẻ 472075-0375 ngày 18/3/2016, bà T chỉ thanh toán được cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S một phần tiền vay, theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng Thương mại cổ phần S cung cấp, Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nhiều lần thông báo nhắc nợ đến bà T, việc bà T không thanh toán nợ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Thương mại cổ phần S, vi phạm điều khoản về nghĩa vụ trả nợ của khách hàng

quy định tại hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1631200387 ngày 28/11/2016, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD1631200387 ngày 12/12/2016, hợp đồng tín dụng số LD1915100253 ngày 31/5/2019, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18/3/2016 nêu trên và vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự về nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Luật các tổ chức tín dụng thì: “Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng... thì áp dụng theo quy định của Luật này”, theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng thì: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”, do đó, đối với hợp đồng vay tài sản mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên quy định tại hợp đồng. Như vậy yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1631200387 ngày 28/11/2016, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD1631200387 ngày 12/12/2016, hợp đồng tín dụng số LD1915100253 ngày 31/5/2019, thẻ tín dụng Family Local Credit-NOTISSUE số thẻ 970403-4614 ngày 18/3/2016, thẻ tín dụng VS payWave Cre Gold số thẻ 472075-0375 ngày 18/3/2016 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S là có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S: Nếu bà T không thực hiện đúng việc trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER 2.5G, biển số 51F-445.54, Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 217696 ngày 28/11/2016, tên chủ xe Bùi Thị Phương T, số máy 2KDU909752, số khung RL4ZR69G9G4031977 theo hợp đồng thế chấp số 729276/2016/TOYOTA ngày 28/11/2016 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S và bà Bùi Thị Phương T, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh. Yêu cầu nêu trên là có cơ sở chấp nhận vì phù hợp với thỏa thuận của hai bên quy định tại phụ lục tài sản bảo đảm của hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1631200387 ngày 28/11/2016.

[3.3] Xét việc Ngân hàng Thương mại cổ phần S đang giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 217696 ngày 28/11/2016, tên chủ xe Bùi Thị Phương T, số máy 2KDU909752, số khung RL4ZR69G9G4031977 là tài sản bảo đảm nên trường hợp bà T thanh toán xong các khoản nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S phải trả lại cho bà T bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nói trên.

[3.4] Xét yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S về việc bà T phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S 3.000.000 (ba triệu) đồng chi phí tố tụng để tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER 2.5G, màu xám, biển số 51F-445.54. Hội đồng xét xử xét thấy chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng là khoản chi phí hợp lý cho việc tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ. Yêu cầu của Ngân hàng

Thương mại cổ phần S được chấp nhận, bà T phải chịu chi phí theo quy định tại Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng nên bà T phải hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S 3.000.000 (ba triệu) đồng.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Bùi Thị Phương T phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm b Khoản 1 Điều 40, Điều 58, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 94 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 323 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30 và Điều 31 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

1.1. Buộc bà Bùi Thị Phương T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 29/9/2023 là 876.010.368đ (tám trăm bảy mươi sáu triệu không trăm mười nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng) trong đó:

Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1631200387 ngày 28/11/2016, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD1631200387 ngày 12/12/2016 nợ gốc 472.495.000 đồng, lãi 161.079.876 đồng, tổng nợ gốc và lãi 633.574.876 đồng;

Hợp đồng tín dụng số LD1915100253 ngày 31/5/2019 nợ gốc 114.516.880 đồng, lãi 38.357.780 đồng, tổng nợ gốc và lãi 152.874.660 đồng;

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đối với thẻ tín dụng Family Local Credit-NOTISSUE số thẻ 970403-4614 ngày 18/3/2016 nợ gốc 46.582.098 đồng, lãi 30.324.882 đồng, tổng nợ gốc và lãi 76.906.980 đồng;

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đối với thẻ tín dụng VS payWave Cre Gold số thẻ 472075-0375 ngày 18/3/2016 nợ gốc 7.664.588 đồng, lãi 4.989.264 đồng, tổng nợ gốc và lãi 12.653.852 đồng.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày 29/9/2023 cho đến khi thi hành án xong, bà Bùi Thị Phương T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1631200387 ngày 28/11/2016, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD1631200387 ngày 12/12/2016, hợp đồng tín dụng số LD1915100253 ngày 31/5/2019, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đối với thẻ tín dụng Family Local Credit-NOTISSUE số thẻ 970403-4614 ngày 18/3/2016, thẻ tín dụng VS payWave Cre Gold số thẻ 472075-0375 ngày 18/3/2016.

1.3. Ngay sau khi bà Bùi Thị Phương T thanh toán hết tiền nợ của hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1631200387 ngày 28/11/2016, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD1631200387 ngày 12/12/2016 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có trách nhiệm trả lại cho bà T bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 217696 ngày 28/11/2016 đứng tên bà Bùi Thị Phương T.

1.4. Nếu bà Bùi Thị Phương T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thời hạn nêu trên của hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1631200387 ngày 28/11/2016, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/LD1631200387 ngày 12/12/2016 thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để bảo đảm thi hành án, cụ thể là xe ô tô con, nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER 2.5G, màu xám, số máy 2KDU909752, số khung RL4ZR69G9G4031977, biển số 51F-445.54 đã được Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 217696 ngày 28/11/2016 đứng tên bà Bùi Thị Phương T theo hợp đồng thế chấp phươg tiện vận tải số 729276/2016/TOYOTA ngày 28/11/2016, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 01-729276/2016/TOYOTA ngày 12/12/2016, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Các mục [1.1], [1.2], [1.3] và [1.4] thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Buộc bà Bùi Thị Phương T có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm 38.280.311đ (ba mươi tám triệu hai trăm tám mươi nghìn ba trăm mười một đồng) bà Bùi Thị Phương T phải chịu.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tiền tạm ứng án phí 17.847.199đ (mười bảy triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm chín mươi

chín đồng) theo biên lai thu tiền số 0043158 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thủy